

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST**  
**Ngày: 17/9/2020**  
**V/v: “Ly hôn”**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Vũ Mạnh Cường**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **1. Bà Huỳnh Thị Châu**

**2. Ông Nguyễn Thành Lam**

*- Thư ký phiên tòa:* **Ông Phạm Việt Dũng** là Thư ký Tòa án

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* **Bà Ngô Phương Hoàng Giang** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2020/QĐST ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**+ Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị Mỹ T** **sinh năm: 1992**

Nơi cư trú: 351 tổ 11, khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

**+ Bị đơn:** **Anh Nguyễn Ngọc V** **sinh năm: 1990**

HKTT: Tổ 4, khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: số 05 Nguyễn Trãi, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

(Chị T và anh V vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2019, các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:**

Chị T và anh Nguyễn Ngọc V quen biết từ khi khoảng hơn 02 năm thì hai bên tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã X (nay là thị trấn D), huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/4/2019. Đây là hôn nhân lần đầu của chị T, lần thứ hai của anh V. Sau kết hôn, vợ chồng về sống với cha mẹ chị T tại khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V không lo làm ăn, mà có tính nghiện chơi game, chị T nhiều lần khuyên giải nhưng anh V không nghe mà còn la mắng, đập phá đồ đạc trong nhà. Vợ chồng sống với cha mẹ chị T được khoảng 05, 06 tháng thì hai vợ chồng lên thành phố P để sinh sống, do anh V không chung thủy với chị nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khoảng tháng 8/2019 chị T đã làm đơn ly hôn với anh V, tại Tòa án anh V xin tha thứ nên chị T đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn. Tuy nhiên, quá

trình về chung sống vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, ngày 05/12/2019 chị T đã về cha mẹ tại khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai để sinh sống và trong thời gian này anh V nhiều lần nhắn tin chửi bới, xúc phạm chị. Từ thời gian về nhà cha mẹ ruột sinh sống, giữa chị và anh V không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị T ly hôn với anh V

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung, nợ riêng: Không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác, ngày 28/8/2020 chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Theo bản tự khai 07/01/2020, biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2020, các lời khai tiếp theo bị đơn anh Nguyễn Ngọc V trình bày:**

Anh Vương và chị Nguyễn Thị Mỹ T quen biết tìm hiểu nhau được khoảng 02 đến 03 năm thì hai bên tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thống Nhất cấp giấy nhận kết hôn vào ngày 03/4/2019. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng do công việc của anh V làm từ sáng đến tối nên không có thời gian để quan tâm đến chị T. Từ đó giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau chị T đã làm đơn ly hôn và về nhà cha mẹ ruột tại khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất để sinh sống còn anh V sống tại số 05 Nguyễn Trãi, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Nay chị T ly hôn thì anh V đồng ý.

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung, nợ riêng: Không có, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh V không còn yêu cầu gì khác,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2020 cho bị đơn anh Nguyễn Ngọc V nhưng tại phiên tòa hôm nay anh V vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Ngày 28/8/2020 nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc V nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo bị đơn anh Nguyễn Ngọc V trình bày trước đây khi quen biết và kết hôn với chị T thì anh V sinh sống và làm việc tại địa chỉ tổ 4, khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Từ tháng 8/2019 anh V chuyển về địa chỉ số 05 Nguyễn Trãi, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận sinh sống, làm việc. Nay chị T nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất thì anh V đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất giải quyết việc ly hôn của vợ chồng theo quy định

(BL 99). Căn cứ Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Nguyễn Thị Mỹ T là nguyên đơn, anh Nguyễn Ngọc V là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc V khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã X (nay là thị trấn D), huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/4/2019 (BL 09) theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình, chị T và anh V cùng thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên chị T và anh V đã không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 23a, 58, 99) điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ở biên bản xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương (BL 71, 72).

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị T yêu cầu ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6.2] Xét ý kiến, yêu cầu của anh V đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T là phù hợp với nhận định trên và Luật hôn nhân gia đình nên cần ghi nhận.

[7] Về con chung: Chị T và anh V không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Ý kiến của Kiểm sát viên:

[12.1] Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

[12.2] Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T và anh V ly hôn, về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[13] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 8, 9, 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ T về việc “Ly hôn” với anh Nguyễn Ngọc V, xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc V ly hôn

[2.2] Về con chung: Chị T và anh V không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0007804 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[5] Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND h. Thống Nhất;
- CC THADS h. Thống Nhất;
- UBND xã thị trấn D;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Mạnh Cường**

